

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2022/HNGĐ**

Ngày: 23/02/2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nga

***Các Hội thẩm nhân dân:***  
1. Ông Lê Cát Tường  
2. Bà Nguyễn Thị Loan

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký TAND TP. Thanh Hóa,  
tỉnh Thanh Hóa

***Đại diện VKSND TP. Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Thu Lan  
- Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2021/ TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo “Quyết định đưa vụ án ra xét xử” số 44/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28 ngày 26/01/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Phạm Thị N , sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn .... xã QC, thành phố TH, tỉnh TH

***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Khắc T , sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn .... xã QC, thành phố TH, tỉnh TH

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2021 và bản tự khai nguyên đơn Phạm Thị N trình bày:*

***Về hôn nhân:*** Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Khắc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Cát, huyện Quảng Xương (nay là phường Quảng Cát, TP. Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa ngày 20/10/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên bất hòa, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng cũng đã nhiều lần tự hòa giải và cố gắng để hòa hợp nhưng vẫn thường xuyên mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nên cuối năm 2019 chị Hoa đem con về sống cùng mẹ đẻ. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay việc ai người đó làm không còn quan tâm đến nhau

Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị tha thiết đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Khắc T.

**Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khắc V, sinh ngày 04/3/2005 và Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 13/6/2011, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

**Về tài sản chung và nợ chung:** Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về phía bị đơn Nguyễn Khắc T:**

Tại bản tự khai ngày 19/11/2021, anh T khai thống nhất với chị N về thời gian điều kiện kết hôn, về nguyên nhân và thực trạng mâu thuẫn vợ chồng, về thời gian ly thân. Anh T xác định từ năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách dẫn đến cãi cọ mất đoàn kết. Vợ chồng cũng đã cố gắng hòa hợp nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2019 vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi không còn quan tâm đến nhau, anh đã phân tích thuyết phục để chị N về chung sống nhưng chị N không về nên anh cũng không còn cách nào khác. Tuy nhiên anh không muốn ly hôn, anh đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; Về con chung: Anh T thống nhất vợ chồng có 02 con chung, nếu phải ly hôn anh xin nuôi dưỡng Nguyễn Thị Ngọc L, chị N nuôi dưỡng Nguyễn Khắc V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau; Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được anh sẽ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của mình, cháu Nguyễn Khắc V có nguyện vọng được ở với bố; Cháu Nguyễn Thị Ngọc L có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Ngày 03/12/2021 Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương (thôn 9 phường Quảng Cát), địa phương xác nhận: Quá trình chung sống chị N và anh T có hai con chung; do tính cách và quan điểm sống không phù hợp dẫn đến mâu thuẫn nên chị N anh T sống ly thân từ cuối năm 2019.

Tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08/12/2021, chị N anh T thống nhất: Về hôn nhân: Anh chị thuận tình ly hôn; Về con chung: Sau ly hôn chị N nuôi cháu L anh T nuôi cháu V; Về tài sản: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên sau khi Tòa án lập biên bản anh T không ký biên bản và bỏ về. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo phiên hòa giải lần 2, anh T không có mặt theo thông báo.

Ngày 30/12/2021, anh T đề nghị Tòa án lấy lời khai. Nội dung lời khai anh T giữ nguyên quan điểm tại phiên hòa giải ngày 08/12/2021 về hôn nhân và con chung, về tài sản chung và nợ chung anh T yêu cầu chị N phải làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cùng trong vụ án giải quyết ly hôn.

Ngày 10/01/2022, Tòa án tiến hành hòa giải lần 3. Chị N giữ nguyên quan điểm tại phiên hòa giải lần 1, chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nợ chung; Anh T giữ nguyên quan điểm yêu cầu chị N phải làm đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung nợ chung cùng với việc giải quyết ly hôn.

Tòa án đã giải thích cho anh T : Trường hợp chị N không yêu cầu thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung nợ chung trong cùng vụ án ly hôn. Song anh T có nghĩa vụ làm đơn và nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản. Anh T không đồng ý làm đơn vì cho rằng chị N là người phải làm đơn yêu cầu.

Ngày 10/01/2022, Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định đã được tổng đạt hợp lệ cho chị N và anh T . Tại phiên tòa ngày 26/01/2022, anh Nguyễn Khắc T vắng mặt lần thứ nhất, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa đồng thời ấn định thời gian mở phiên tòa lần thứ 2 vào 07 giờ 30 phút ngày 23/02/2022. Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho anh Nguyễn Khắc T

*Tại phiên tòa hôm nay*, Chị Phạm Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong đơn chị N đồng thời yêu cầu HĐXX giải quyết cho chị ly hôn anh T ; Giao cho chị được nuôi cháu L anh T nuôi cháu V sau khi ly hôn; Không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung. Anh Nguyễn Khắc T có mặt tại phiên tòa và đồng ý ly hôn, về con anh xin nuôi cháu L đề nghị chị N nuôi cháu V , về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của đại diện VKS:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và HĐXX, việc chấp hành pháp luật của chị N kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân thủ đúng quy định, anh T chấp hành không đầy đủ quy định. Tại phiên tòa hôm nay, anh T có mặt, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 - BLTTDS để xét xử vắng mặt chị N ; Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn; Nơi cư trú của bị đơn tại thành phố Thanh Hóa, do đó Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 - Bộ luật TTDS.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Khắc T có mặt, chị Phạm Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ Điều 227 - BLTTDS để xét xử vắng mặt chị Ngân

#### **[2] Về nội dung:**

*Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Khắc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Cát, huyện Quảng Xương (nay là phường Quảng Cát, TP. Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa ngày 20/10/2003, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do bất đồng về quan điểm sống và lối sống. Vợ chồng đã cố gắng

khắc phục nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ đầu năm 2019, chấm dứt quan hệ về tình cảm và kinh tế. Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng chị N kiên quyết ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay anh T đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn theo quy định của pháp luật.

Như vậy, thuận giữa chị N và anh T đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở và tự nguyện. HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

*Về con chung:* Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Khắc T có 02 con chung là Nguyễn Khắc V, sinh ngày 04/3/2005 và Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 13/6/2011, Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Ngọc L, anh T nuôi dưỡng Nguyễn Khắc V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Tại phiên tòa anh T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu L, chị Ng nuôi cháu V

HĐXX xét, từ khi vợ chồng ly thân (2019), cháu L ở với mẹ, cuộc sống sinh hoạt học tập đã ổn định; Bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn; Mặt khác, cháu L là con gái, đang tuổi phát triển tâm sinh lý nữ, việc được mẹ chăm sóc trực tiếp là cần thiết và tốt nhất cho cháu. Vì vậy việc giao cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là làm xáo trộn cuộc sống của cháu không cần thiết. Đề nghị của chị N là đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tại phiên tòa anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, do đó HĐXX không xét

*Về án phí:* Chị Phạm Thị N là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

*Về hôn nhân:* Xử cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Nguyễn Khắc T

*Về con chung:* Giao Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 13/6/2011 là con chung của chị N anh T cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; Giao Nguyễn Khắc V, sinh ngày 04/3/2005 là con chung của chị N anh T cho anh Nguyễn Khắc T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Chị Phạm Thị N , anh Nguyễn Khắc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Phạm Thị N , anh Nguyễn Khắc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001362 ngày 09/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị N đã nộp đủ án phí.

*Về quyền kháng cáo:* Anh Nguyễn Khắc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

*Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND P.Quảng Cát, TPTH;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Đã ký***

**Nguyễn Thị Nga**